TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **50A**/2019/QĐST-HNGĐ *Thành phố Huế, ngày 28 tháng 01năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212 , 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 51, 53, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 635/2018/TLST/ HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Anh Nguyễn Thanh S, sinh năm 1989. Địa chỉ: 45/1 đường Đ, phường P, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Chị Phạm Thị Tuyết, sinh năm 1980. Địa chỉ: Tổ 13, khu vực 5, phường A, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh S và chị Phạm Thị T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 23/4/2014.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vả làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Anh Nguyễn Thanh S và chị Phạm Thị T không còn sống chung với nhau từ năm 2017 đến nay. Do tình cảm vợ chồng đã hết, mục đích hôn nhân không đạt nên anh Nguyễn Thanh S và chị Phạm Thị T tự nguyện thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Thanh S và chị Phạm Thị T xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thanh T, sinh ngày 06/11/2015, hiện nay đang ở với anh S. Hai bên thỏa thuận giao cháu Nguyễn Thanh T cho anh S tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên thỏa thuận chị Phạm Thị T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng kể từ khi quyết định có hiệu lực cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Thanh S và chị Phạm Thị T cùng xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung.

[5] Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Thanh S và chị Phạm Thị T mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà anh S, chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 006152 ngày 07/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Anh Nguyễn Thanh S và chị Phạm Thị T đã nộp đủ lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 18 tháng 01 năm 2019), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh S và chị Phạm Thị T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 06/11/2015 cho anh Nguyễn Thanh S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở.

-Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng kể từ khi quyết định có hiệu lực cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

-Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Thanh S và chị Phạm Thị T cùng công nhận không có tài sản chung và nợ chung.

2.Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Thanh S và chị Phạm Thị T mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà anh S, chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 006152 ngày 07/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Anh Nguyễn Thanh S và chị Phạm Thị T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và khôngbị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự,được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2004; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
-VKSND TP Huế;
- UBND phường P, TP Huế;
(**GĐKKH số 26/2014 ngày 23/4/2014**)
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Huế